

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính Quý I năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 23/01/2026 của Chủ tịch UBND xã Tuấn Đạo về Cải cách hành chính xã Tuấn Đạo năm 2026 và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ công tác CCHC. Chủ tịch UBND xã Tuấn Đạo báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính quý I năm 2026 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Kế hoạch cải các cách hành chính

UBND xã ban hành Kế hoạch số 20KH-UBND; ngày 23/01/2026 của Chủ tịch UBND xã về Cải cách hành chính năm 2026. Công tác CCHC tiếp tục được UBND xã quan tâm chỉ đạo. Để đảm bảo công tác tiếp đón và giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân không bị ảnh hưởng. Lãnh đạo UBND xã chỉ đạo sát sao trong việc tổ chức sắp xếp nhân sự cũng như cơ sở vật chất để đảm bảo công tác phục vụ người dân.

UBND xã đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch đã đề ra. Các nhiệm vụ được tổ chức thực hiện cơ bản bảo đảm tiến độ và yêu cầu.

2. Công tác tổ chức, chỉ đạo, điều hành

UBND xã thực hiện nghiêm chế độ báo cáo CCHC theo quy định; các báo cáo định kỳ được xây dựng đầy đủ nội dung, gửi đúng thời gian theo yêu cầu của cấp trên.

Công tác tuyên truyền CCHC tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện với nhiều nội dung, hình thức phong phú nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và Nhân dân về mục tiêu, nhiệm vụ CCHC. UBND xã tăng cường đăng tải tin, bài về cải cách hành chính trên hệ thống loa truyền thanh, Trang thông tin điện tử của xã và các trang thông tin của các tổ chức, đoàn thể. Đồng thời chỉ đạo Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng tin, bài tuyên truyền về công tác CCHC; lồng ghép nội dung tuyên truyền CCHC tại các hội nghị giao ban, hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho Nhân dân.

UBND xã quan tâm tổ chức gặp mặt, trao đổi, lắng nghe ý kiến của người dân, doanh nghiệp; kịp thời giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết TTHC, góp phần nâng cao hiệu quả công tác CCHC.

Thực hiện Công văn số 704/SNV-CCHC ngày 10/02/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh về việc đăng ký sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC năm 2026, UBND xã đã triển khai đến các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã đăng ký sáng kiến, giải pháp. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, UBND xã đã lựa chọn, tổng hợp và đăng ký gửi Sở Nội vụ theo quy định.

UBND xã nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao thông qua các văn bản chỉ đạo, điều hành; các nhiệm vụ được tiếp nhận, phân công thực hiện kịp thời, thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, bảo đảm theo yêu cầu và thời gian quy định.

Bên cạnh đó, UBND xã tiếp tục triển khai thực hiện mô hình “Chính quyền thân thiện” theo chỉ đạo của cấp trên; duy trì các nội dung, tiêu chí về xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

Công tác xây dựng, tham mưu xây dựng văn bản QPPL: UBND xã tiếp tục quan tâm chỉ đạo công tác xây dựng, tham mưu ban hành văn bản QPPL theo quy định. Việc soạn thảo, ban hành văn bản được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định hiện hành. Trong quý I/2026, UBND xã đã ban hành 924 văn bản để chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gồm: quyết định, báo cáo, công văn, kế hoạch, thông báo, giấy mời, tờ trình, phương án... Các văn bản ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Trong đó, văn bản QPPL được ban hành: 0 văn bản.

Kiểm tra, rà soát văn bản QPPL: Ban hành Kế hoạch số 122/KH-UBND nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương; UBND xã đã thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2025 để phục vụ việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực theo quy định. Qua rà soát, không có văn bản QPPL hết hiệu lực hoặc cần xử lý.

Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL): UBND xã đã ban hành Kế hoạch 05/KH-UBND và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện theo quy định; đồng thời thực hiện chế độ báo cáo kết quả theo đúng thời gian, nội dung quy định. Qua theo dõi, việc thi hành văn bản QPPL trên địa bàn cơ bản được thực hiện nghiêm túc, không phát sinh khó khăn, vướng mắc.

Tác động của cải cách đến chất lượng văn bản QPPL: Quý I/2026, HĐND và UBND xã không ban hành văn bản QPPL. UBND xã vẫn thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản theo quy định nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống văn bản trên địa bàn.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Tổ chức rà soát TTHC, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC: Đã thực hiện rà soát TTHC, tuy nhiên chưa đề xuất nội dung cắt giảm, đơn giản hóa TTHC do các TTHC hiện hành cơ bản phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại địa phương.

- Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ: Tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa xã; công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC trên Cổng thông tin điện tử của xã; thường xuyên cập nhật, niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, thực hiện tốt công tác giám sát, theo dõi, đôn đốc việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC, không để xảy ra tình trạng gây khó khăn, phiền hà cho các tổ chức và cá nhân khi giải quyết TTHC.

- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

Thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện việc triển khai đưa quy trình số hóa gắn với quá trình tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, đảm bảo các công việc thực hiện có chất lượng, hiệu quả cao.

+ 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Các TTHC liên thông đều được thực hiện theo đúng hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

+ UBND xã đã triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo đúng chỉ đạo của tỉnh. Các hồ sơ phát sinh được tiếp nhận, giải quyết bảo đảm đúng quy trình, thủ tục theo quy định.

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC:

Trong quý I năm 2026, tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận tổng số 1.291 hồ sơ, trong đó: kỳ trước là 0 hồ sơ, trong kỳ là 1.291 hồ sơ; đã trả kết quả 1.291 hồ sơ, trong đó hồ sơ giải quyết trước hạn là 1.272 hồ sơ (đạt 98,53%), đúng hạn là 03 hồ sơ, quá hạn là 0 hồ sơ; hồ sơ đang giải quyết là 02, trong đó: chưa đến hạn là 02, quá hạn là 0 hồ sơ, hồ sơ yêu cầu bổ sung là 0 hồ sơ, hồ sơ trả lại, hồ sơ xin rút cho tổ chức, cá nhân là 14; hồ sơ liên thông là 28 hồ sơ; hồ sơ tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến là 1.249 hồ sơ (đạt tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến là 96,75%). Tổng số hồ sơ trả qua Buu điện theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Buu chính công ích là 401 hồ sơ, đạt 31%. Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến là 1.017 hồ sơ, đạt 99,71%. Tỷ lệ hồ sơ có số hóa khi tiếp nhận là 1.291 hồ sơ, đạt 99,85 %. Tỷ lệ hồ sơ có kết quả điện tử là 1.288, đạt 99,77%.

- 100% hồ sơ TTHC được giải quyết trước và đúng hạn, không phát sinh hồ sơ quá hạn; do đó không phát sinh việc xin lỗi người dân, tổ chức trong giải quyết TTHC.

- UBND xã đã thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC thông qua hệ thống phần mềm đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức khi thực hiện TTHC tại Bộ phận Một cửa thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã. Đánh giá mức độ hài lòng thông qua đánh giá trực tuyến. Kết quả: Tổng số lượt đánh giá: 180 lượt.

Trong đó:

+ Rất hài lòng: 1064/1064 lượt, đạt tỷ lệ 100%.

+ Hài lòng: 0 lượt, tỷ lệ 0%.

+ Không hài lòng: 0 lượt, tỷ lệ 0%.

Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức: UBND xã đã thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến quy định thủ tục hành chính theo đúng quy trình, quy định. Tuy nhiên, trong quý I/2026, UBND xã chưa tiếp nhận được phản ánh, kiến nghị nào của người dân và tổ chức.

- Kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công: Theo kết quả công bố trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, tính đến ngày 29/3/2026, UBND xã Tuần Đao đạt: Tổng điểm: 94,53 điểm, xếp hạng 53/99 xã, phường. Trong đó chỉ số thành phần:

- + Công khai, minh bạch: 18/18 điểm;
- + Tiến độ, kết quả giải quyết: 19,94 /20 điểm;
- + Dịch vụ công trực tuyến: 10/12 điểm;
- + Thanh toán trực tuyến: 10/10 điểm;
- + Mức độ hài lòng: 18/18 điểm;
- + Số hóa hồ sơ: 18,59/22 điểm.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Thực hiện quy định và hướng dẫn về tổ chức bộ máy: Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. UBND xã đã ban hành Quyết định thành lập Trạm Y tế xã Tuấn Đạo trên cơ sở tổ chức lại các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế Sơn Động.

UBND xã tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định. Trong quý I, UBND xã đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND theo quy định. Việc bố trí, sắp xếp cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện đúng quy định.

- Thực hiện các quy định về quản lý biên chế: UBND xã thực hiện việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính theo đúng số lượng được cấp có thẩm quyền giao, không sử dụng vượt biên chế. Việc ký kết và sử dụng hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

* Về cán bộ, công chức: Biên chế thực hiện đến 09/3/2026 biên chế giao: 27/38 chỉ tiêu (không tính ban chỉ huy quân sự xã). Trong đó:

- Lãnh đạo HĐND và UBND là: 03/03 người.
- Văn phòng HĐND và UBND là: 05/8 người.
- Phòng Kinh tế hiện có: 6/7 người.
- Phòng Văn hoá - Xã hội là: 05/06 người.
- Trung tâm Phục vụ hành chính công: 03/6 người.
- Biên chế chưa thực hiện: 05 chỉ tiêu.

* Về viên chức sự nghiệp: Biên chế thực hiện đến 09/3/2026 biên chế giao: 155/162 chỉ tiêu. Trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục: Biên chế thực hiện đến 01/9/2025 biên chế giao: 134/134 chỉ tiêu. Trong đó:

- + Cấp Mầm non: 53/55 người (bao gồm cả 02 HĐLĐ theo NQ 19).
- + Cấp Tiểu học: 46/46 người.
- + Cấp Trung học cơ sở: 55/55 người.

- UBND xã tiếp tục thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền quản lý theo quy định của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh; đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý thôn, tổ dân phố theo quy định hiện hành. Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, bảo đảm bộ máy hoạt động ổn định, thông suốt.

4. Cải cách chế độ công vụ

UBND xã ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công theo quy định; Công khai đầy đủ, kịp thời đúng quy định kết quả thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công, không có sai phạm về sử dụng kinh phí, tài sản công. Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách; công khai dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách đúng quy định.

- Trong quý I, UBND xã không tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển).

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm 02 lãnh đạo quản lý gồm: 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc Trạm Y tế Tuấn Đạo.

- Không thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc UBND xã chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Không có trường hợp công chức, viên chức nào bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên.

- Kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Trong quý I, UBND xã cử trên 80 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn.

- Về cán bộ, công chức viên chức cấp xã: Đến thời điểm báo cáo, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: 54 cán bộ, trong đó 27 cán bộ công chức, 27 viên chức và 03 hợp đồng lao động. Trình độ chuyên môn của các cán bộ, công chức, viên chức: 04 thạc sĩ, 37 đại học, 07 cao đẳng, 06 trung cấp, 01 lái xe và 02 hợp đồng lao động (01 đại học, 01 cao đẳng). UBND xã luôn tạo điều kiện cho công chức chuyên môn tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan cấp trên.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại cơ quan, địa phương.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được giao: Tổng thu ngân sách là 31.404 triệu đồng, trong đó ngân sách địa phương là 30.542 triệu, ngân sách cấp trên bổ sung 68.738 triệu đồng.

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Tổng vốn thực hiện năm 2026 là: 14.822 triệu đồng. Đến thời điểm hiện tại chưa thực hiện giải ngân.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Các cơ quan, đơn vị hiện đang quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định của pháp luật.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: có 07 đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (gồm 05 nhà trường, 01 Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và 01 Trạm Y tế).

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở cơ quan, địa phương: Thực hiện Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 71/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 28/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện

Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Đảng uỷ, UBND xã Tuấn Đạo đã xây dựng và thành lập Ban chỉ đạo như: Kế hoạch số 14-KH/ĐU ngày 28/8/2025 của Đảng uỷ và Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 29/8/2025 của UBND xã Tuấn Đạo thực hiện Nghị quyết số 57 NQ/TW; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 15/01/2026 về việc thúc đẩy, phát huy hiệu quả của các Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân trên địa bàn xã Tuấn Đạo; Kế hoạch số 09/KHUBND ngày 29/01/2026 của UBND xã về việc triển khai kế hoạch Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã Tuấn Đạo năm 2026; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 27/02/2026 về việc thực hiện Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 08/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 05/03/2026 về việc cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) xã Tuấn Đạo năm 2026 và những năm tiếp theo; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn trên địa bàn xã Tuấn Đạo; Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND xã Tuấn Đạo thành lập Ban chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của UBND xã Tuấn Đạo về việc thành lập Tổ Ứng cứu công nghệ và Nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật: Đến nay trang thiết bị công nghệ thông tin và hạ tầng mạng của cơ quan sau khi sát nhập:
 - Trang thiết bị máy tính cá nhân và thiết bị ngoại vi (máy in, scan,...).
 - + Số thiết bị máy tính cá nhân đang hoạt động là 30 máy
 - + Số máy In hiện có đang hoạt động là 21 máy
 - + Số máy Scan hiện có và đang hoạt động là 06 máy
 - Hệ thống kết nối mạng Internet, mạng LAN tại cơ quan, địa phương.
 - + Hệ thống kết nối Internet đang dùng là 03 đường truyền
 - + Điểm phát Wifi hiện có là 08 điểm
 - Triển khai hệ thống mạng nội bộ để gửi, nhận văn bản Mật.
 - Việc triển khai chứng thư số; số chứng thư số của tổ chức đã được trang bị đến nay tổng số tổ chức: 12/12; số chứng thư số của cá nhân người có thẩm quyền ký văn bản đã được trang bị đến nay tổng số cá nhân người có thẩm quyền: 27/27.
 - Tỷ lệ ký số văn bản điện tử của tổ chức, cá nhân người có thẩm quyền trên mạng Internet 100% (trừ văn bản mật).

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng. Tại UBND xã đã sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành, thực hiện trao đổi văn bản điện tử với cấp trên và giữa các phòng ban.

Tại Trung tâm phục vụ hành chính công của xã tiếp tục khai thác, sử dụng phần mềm giải quyết TTHC, kết nối Cổng dịch vụ quốc gia, dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, hỗ trợ tiếp nhận - trả kết quả cho người dân và áp dụng nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu: Tại xã đã từng bước hình thành và quản lý cơ sở dữ liệu điện tử gắn với công tác chuyên môn như: hộ tịch, dân cư, quản lý đất đai, cán bộ, công chức, hồ sơ TTHC. Đồng thời triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết, giảm giấy tờ cho người dân. UBND xã đã kết nối, khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ hiệu quả cho việc xác thực thông tin và đơn giản hóa TTHC.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp: UBND xã tiếp tục duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, phát huy vai trò trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số. Người dân được hướng dẫn cài đặt và sử dụng các ứng dụng thiết yếu như: VNeID, Cổng dịch vụ công quốc gia, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

UBND xã đã thực hiện đầu tư, nâng cấp hệ thống đài truyền thanh thông minh ứng dụng công nghệ Internet, góp phần nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, bảo đảm thông tin được truyền tải đến người dân nhanh chóng, kịp thời.

Các tổ chức đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân...) tích cực tham gia vận động, hỗ trợ hội viên, người dân tiếp cận kỹ năng số cơ bản.

Người dân đã bắt đầu đã quen với việc sử dụng Zalo, Facebook, sàn thương mại điện tử để trao đổi, buôn bán, kết nối xã hội.

Hoạt động tuyên truyền về phòng chống lừa đảo trực tuyến, an toàn thông tin cá nhân được triển khai, từng bước nâng cao nhận thức cộng đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

Công tác CCHC tiếp tục được UBND xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện. Việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công được duy trì và thực hiện có hiệu quả; trong quý, không có hồ sơ giải quyết quá hạn.

Công tác niêm yết, công khai các TTHC được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi đến liên hệ giải quyết TTHC, qua đó góp phần nâng cao sự hài lòng của Nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước.

Công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức được quan tâm thực hiện; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trình tự thực hiện các TTHC ngày càng được quy định rõ ràng, công khai, minh bạch; việc hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện cơ bản tốt tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền về CCHC được tiếp tục triển khai trong nội bộ Đảng, chính quyền và Nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc thực hiện TTHC. Công tác cải cách TTHC có nhiều chuyển biến tích cực, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức được cải thiện, tạo được niềm tin của công dân đối với cơ quan hành chính nhà nước.

2. Những tồn tại, khó khăn, hạn chế

Trong quá trình thực hiện CCHC vẫn còn một số tồn tại, khó khăn, hạn chế như sau:

- Trong quá trình giải quyết TTHC, đa số người dân, nhất là người cao tuổi, người dân tộc thiểu số, nông dân chưa biết cách cài đặt định danh điện tử mức 2 và chưa biết thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công. Do đó việc khai thác dịch vụ công trực tuyến, các tiện ích số còn hạn chế; đa số người dân vẫn đến trực tiếp UBND xã để thực hiện TTHC.

- Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động chưa thường xuyên nên hiệu quả chưa cao.

- Các phần mềm dùng chung, phần mềm chuyên ngành đôi khi còn xảy ra lỗi trong quá trình sử dụng, ảnh hưởng đến việc nộp hồ sơ của công dân cũng như việc tiếp nhận, giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

- Việc thực hiện các TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã còn hạn chế, số lượng hồ sơ phát sinh chưa nhiều do nhu cầu của người dân.

- Việc áp dụng các tiêu chuẩn trong giải quyết TTHC, việc sắp xếp hồ sơ, tài liệu của cán bộ, công chức tại một số bộ phận chưa thật sự khoa học.

- Nguồn ngân sách dành cho công tác CCHC còn hạn chế, chưa bảo đảm theo yêu cầu.

- Hạ tầng kỹ thuật phục vụ bảo đảm an toàn thông tin tại xã còn thiếu và yếu; chưa có hệ thống sao lưu dữ liệu, tường lửa chuyên dụng và hệ thống giám sát an toàn thông tin.

- Cán bộ chưa có kỹ năng chuyên sâu về xử lý sự cố an ninh mạng; khi xảy ra sự cố thường phải chờ sự hỗ trợ từ cấp trên.

- Công tác kiểm tra, giám sát về an toàn thông tin chưa được thực hiện định kỳ; chưa có cơ chế đánh giá mức độ an toàn của hệ thống thông tin.

- Ý thức bảo mật thông tin cá nhân, mật khẩu tài khoản công vụ của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ lộ, lọt dữ liệu.

- Kinh phí dành cho bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa được bố trí riêng, chủ yếu dựa vào trang thiết bị cơ bản do tỉnh cấp.

- Hiện nay, xã chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin; công tác chuyển đổi số chủ yếu do cán bộ kiêm nhiệm thực hiện nên chưa có điều kiện đầu tư nhiều thời gian cho công việc. Trình độ, kỹ năng số của cán bộ còn hạn chế, chủ yếu dừng ở mức sử dụng cơ bản; khả năng khai thác dữ liệu, vận hành các nền tảng mới còn yếu.

- Trang thiết bị công nghệ thông tin tại xã còn thiếu; nhiều máy tính đã cũ, cấu hình thấp, chưa đáp ứng tốt yêu cầu xử lý hồ sơ trên môi trường mạng.

- Hạ tầng đường truyền Internet tại xã chưa ổn định, tốc độ còn chậm, gây gián đoạn trong quá trình xử lý công việc; việc đầu tư hệ thống mạng LAN, máy chủ, thiết bị lưu trữ chưa đồng bộ nên dữ liệu còn phân tán, khó khai thác tập trung. Việc ứng dụng các nền tảng công nghệ mới như điện toán đám mây, IoT, các phần mềm chuyên ngành còn hạn chế, chủ yếu dừng ở các ứng dụng cơ bản.

- Kinh phí đầu tư, nâng cấp hạ tầng số tại xã còn hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách hỗ trợ từ cấp trên.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng

cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền về CCHC.

- Tăng cường công tác rà soát, kiểm tra văn bản QPPL do UBND xã ban hành.
- Thường xuyên rà soát, thay thế các TTHC bị bãi bỏ, sửa đổi; cập nhật bổ sung các TTHC ban hành mới được áp dụng tại UBND xã.
- Thực hiện rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tăng cường công tác kiểm soát TTHC, thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc ban hành, công khai, minh bạch TTHC.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tiếp tục đổi mới phương pháp quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của UBND xã và của đội ngũ cán bộ, công chức chuyên môn.
- Triển khai áp dụng và công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.
- Triển khai có hiệu quả số hóa các TTHC theo quy định.
- Thường xuyên chấn chỉnh, kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ trong cơ quan. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá CCHC.
- Tiếp tục thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, các hồ sơ TTHC được giải quyết trước và đúng hạn, không để hồ sơ quá hạn.
- Thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của tỉnh của Sở về công tác CCHC. Tiếp tục duy trì hoạt động ổn định phần mềm QLVB và phần mềm một cửa điện tử.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức người dân: tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử, hệ thống loa truyền thanh, mạng xã hội, tờ rơi. Nêu bật lợi ích thực tế của sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Phối hợp bưu điện, ngân hàng để hỗ trợ người dân mở tài khoản, giao dịch điện tử.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Không có.

Trên đây là Kết quả thực hiện công tác CCHC quý I/2026 của UBND xã Tuấn Đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT; VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Chu Văn Oánh

PHỤ LỤC II
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số 45 /BC-UBND ngày 03 /4/2026 của Chủ tịch UBND xã Tuấn Đạo)

Lưu ý: Các cơ quan, địa phương báo cáo tổng hợp số liệu thực hiện công tác CCHC của tỉnh theo biểu mẫu sau. Biểu mẫu này chỉ báo cáo, tổng hợp vào kỳ báo cáo quý I, III, 6 tháng, năm nhằm phục vụ báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	3	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	= b/a*100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	a	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	b	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số phòng, ban, đơn vị...thuộc sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số phòng, ban, đơn vị...thuộc UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	= b/a*100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	a	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	b	
4.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.1.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1064	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 1064 Phát phiếu = 0 Kết hợp = 0	1064	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
7.	Tổng số VBQPPL¹ do cơ quan, địa phương tham mưu, ban hành	Văn bản		
7.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh tham mưu	Văn bản		
7.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
8.	Rà soát VBQPPL			
8.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		

8.2	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp xã	Văn bản		
8.3	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	$= b/a*100$	
8.3.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	a	
8.3.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	b	
9.	Thống kê TTHC			
9.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
9.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
9.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
9.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan	Thủ tục	433	
10	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
10.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	100%	100%	
10.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
11.	Kết quả giải quyết TTHC			

11.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	=b/a*100	
11.1.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
11.1.2	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
11.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	=b/a*100	100%	
11.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	1291	
11.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	1291	
11.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	0 %	0	= b/a*100
11.3.1	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	a
11.3.2	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>0 PAKN</i>	0	b
12.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
12.1.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	=a+b+c	
12.1.1	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	a	
12.1.2	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	b	

12.1.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	c	
13	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	=a+b+c
13.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	a
13.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	b
13.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	c
14	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	0%	= b/a*100
14.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	19.637	a
14.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	b
15.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
15.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
15.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
15.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
15.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		

15.4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
15.4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
15.4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
15.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	07	05 nhà trường, 01 trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và 01 Trạm Y tế
15.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Đơn vị		
16.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
17.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
18.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
18.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
18.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
18.1.2	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh.</i>	%		
18.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%		

18.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
18.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%		
19	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
19.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100%	= b/a*100
19.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	112	a
19.1.2	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	112	b
19.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100	= b/a*100
19.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	130	a
19.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	130	b
19.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	100%	= b/a*100
19.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	161	a
19.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	161	b
19.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	100%	= b/a*100

19.4.1	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	1291	a
19.4.2	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	<i>Hồ sơ</i>	1291	b
19.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		= b/a*100
19.5.1	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>		a
19.5.2	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>		b

